

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 HUYỆN NÔNG SƠN

Cấu trúc biểu:

A. Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh

B. Công trình, dự án cấp huyện

B.1. Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất

B.1.1. Dự án thuộc ngân sách Nhà nước

B.1.2. Dự án ngoài ngân sách Nhà nước

B.2. Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất

B.3. Danh mục dự án chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua các năm 2019, 2020 và 2021 (không tính vào tổng diện tích danh mục kế hoạch 2021)

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú	
				Diện tích	Sử dụng vào loại đất																							
					LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS	DCS										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)		
Σ	TỔNG CỘNG (=A+B)	136,10	45,09	91,01	0,07	9,91	5,36	9,68	0,33	60,14	0,01	0,10	0,15	2,34	0,15	1,64	1,04	0,09										
A	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	4,80		4,80				0,20		4,00								0,60										
CQP	Đất quốc phòng	4,80		4,80				0,20		4,00								0,60										
1	Thao trường huấn luyện huyện Nông Sơn: Hạng mục: san ủi, giải phóng mặt bằng	4,80		4,80				0,20		4,00								0,60	Quế Trung	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện Nông Sơn thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện 50%, ngân sách quốc phòng 50%	Ban Chỉ huy quân sự huyện Nông Sơn					ĐK mới	
B	Công trình, dự án cấp huyện	131,30	45,09	86,21	0,07	9,91	5,36	9,48	0,33	56,14	0,01	0,10	0,15	2,34	0,15	1,64	0,44	0,09										
B.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	106,82	44,84	61,98	0,05	9,75	4,38	7,70	0,33	35,10	0,01	0,10	0,15	2,34	0,15	1,64	0,21	0,07										
B.1.1	Dự án thuộc ngân sách Nhà nước	101,02	44,84	56,18	0,05	9,75	4,38	7,70	0,33	29,30	0,01	0,10	0,15	2,34	0,15	1,64	0,21	0,07										
SKN	Đất cụm công nghiệp	6,25		6,25		1,40	1,50	1,00		1,75				0,10		0,50												
2	Cụm Công nghiệp Nông Sơn	6,25		6,25		1,40	1,50	1,00		1,75				0,10		0,50			Quế Trung	Quyết định số 3730/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án	Ngân sách tỉnh	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 15	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020		
DGT	Đất giao thông	83,74	44,64	39,10	0,05	6,80	2,00	4,87		22,30				0,15	1,73	0,15	0,85	0,20										
3	Đường giao thông từ ĐH7.NS đi Hóc Xoài – Hồ Sến	7,20		7,20		3,60	0,50	0,57		2,20				0,33					Ninh Phước	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/11/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách tỉnh	UBND huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_BS2020	chuyển tiếp 2020		
4	Đường ô tô đến Trung tâm hành chính xã Ninh Phước	6,50		6,50		0,40		0,50		5,50				0,10					Ninh Phước	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_BS2020	chuyển tiếp 2020		
5	Nâng cấp cầu Mai Rùa Quế Phước	0,50		0,50			0,50												Ninh Phước	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn		NQ73_2021		chuyển tiếp 2020		
6	Đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	2,00		2,00		0,50				1,40							0,10		Phước Ninh	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện Nông Sơn về phê duyệt báo cáo KT-KT công trình đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_2020	chuyển tiếp 2020		
7	Đường Trường Sơn Đông	44,64	44,64																Phước Ninh; Quế Lâm	Quyết định số 131/QĐ-BQP ngày 23/01/2006 của Bộ Quốc Phòng v/v phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường Trường Sơn Đông	Huy động trái phiếu Chính phủ	Bộ Quốc Phòng		NQ73_2021		chuyển tiếp 2020		
8	Bến đò Trung Phước và đường dẫn	0,60		0,60				0,30						0,15		0,15			Quế Trung	Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 15/11/2019 của HĐND	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất		NQ73_2021		chuyển tiếp 2020		

Đơn vị tính: ha

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm																Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú
				Sử dụng vào loại đất																							
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS	DCS									
																			huyện Nông Sơn		huyện Nông Sơn						
9	Đường giao thông vào Hồ Cái thôn Trung Hạ	1,00		1,00		0,20		0,10		0,70									Quế Trung	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_2020	chuyển tiếp 2020	
10	Đường nội thị Trung tâm huyện (bổ sung)	6,80		6,80		0,50	0,60	1,00		4,20				0,50					Quế Trung	Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị Trung tâm huyện Nông Sơn	Ngân sách tỉnh	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 14, 16	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
11	Đường ô tô đến Trung tâm hành chính xã Ninh Phước	10,00		10,00		1,60		0,50		7,00				0,10		0,80			Quế Trung	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_BS2020	chuyển tiếp 2020	
12	Nâng cấp đường Trung tâm thôn Đại Bình	2,50		2,50			0,30	1,50						0,70					Quế Trung	Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn		NQ73_2021		chuyển tiếp 2020	
13	Nâng cấp đường từ ĐT611 đến trường Mẫu giáo Hồ Môn	2,00		2,00	0,05		0,10	0,40		1,30						0,05	0,10		Quế Trung	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND huyện Nông Sơn giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 10, 12	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
DNL	Đất công trình năng lượng	2,83		2,83		0,11	0,27	0,11	0,33	1,54				0,03													
14	Đường dây 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và trạm lắp quang, đoạn đi qua địa bàn huyện Nông Sơn và huyện Đại Lộc	0,60		0,60			0,10	0,10						0,40					Ninh Phước	Quyết định số 2025/QĐ-TTg ngày 14/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chủ trương đầu tư và một số cơ chế đặc thù đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án đường dây 500 kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi và Dự án đường dây 500 kV Dốc Sỏi - Pleiku 2	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia		NQ73_2021		chuyển tiếp 2020	
15	Đường dây 500KV Quảng Trạch – Dốc Sỏi và Trạm lắp quang, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Quảng Nam	2,06		2,06		0,09	0,06		0,33	1,54				0,04					Phước Ninh, Ninh Phước và Quế Lâm	Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tờ bản đồ số 17, 18	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
16	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,03		0,03			0,03												Ninh Phước	Quyết định số số 1256/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	Ngân sách TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Sở Công thương Quảng Nam		NQ73_2021		ĐK mới	
17	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,01		0,01			0,01												Phước Ninh	Quyết định số số 1256/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	Ngân sách TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Sở Công thương Quảng Nam		NQ73_2021		ĐK mới	
18	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,01		0,01			0,01												Quế Lâm	Quyết định số số 1256/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	Ngân sách TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Sở Công thương Quảng Nam		NQ73_2021		ĐK mới	
19	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện	0,03		0,03			0,02							0,01					Quế Lộc	Quyết định số số 1256/QĐ-	Ngân sách	Sở Công thương		NQ73_2021		ĐK mới	

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm														Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú									
				Sử dụng vào loại đất																														
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS									DCS								
	quốc gia																		UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Quảng Nam													
20	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,04	0,04				0,02	0,01											0,01		Quế Trung	Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	Ngân sách TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Sở Công thương Quảng Nam		NQ73_2021				ĐK mới				
21	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,05	0,05			0,02	0,02												0,01		Sơn Viên	Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	Ngân sách TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Sở Công thương Quảng Nam		NQ73_2021	NQ73_2021			ĐK mới				
DGD	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	1,27	1,27				0,05	0,02											1,00															
22	Mở rộng trường tiểu học và trung học cơ sở Huỳnh Thúc Kháng	0,25	0,25				0,05														Phước Ninh	Quyết định 1744/QĐ-UBND ngày 11/9/2020 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình mở rộng trường TH&THCS Huỳnh Thúc Kháng	Vốn ngân sách huyện	UBND xã Phước Ninh	Thửa 221; 256; 257; 258; 260; 316; 320 tờ bản đồ số 10		NQ73_2021				ĐK mới			
23	Mở rộng Trường Mẫu giáo Hương Sen	0,02	0,02						0,02												Quế Lộc	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của HĐND huyện Nông Sơn về kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện			NQ73_2021				chuyển tiếp 2020			
24	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	0,50	0,50							0,50											Quế Trung	Quyết định số 4390/QĐ/-UBND ngày 14/12/2015 của UBND huyện Nông Sơn	Vốn nông thôn mới	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 9		NQ73_2021				chuyển tiếp 2019, 2020			
25	Mở rộng Trường mẫu giáo Hướng Dương (bổ sung)	0,50	0,50							0,50											Quế Trung	Quyết định số 613/QĐ/-UBND ngày 06/4/2020 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt báo cáo KTKT công trình: Mở rộng trường Mẫu giáo Hướng Dương	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện	Tờ bản đồ 14		NQ73_2021				chuyển tiếp 2020			
DTT	Đất cơ sở thể dục - thể thao	1,10	1,10			0,01				1,00										0,02														
26	Nhà thi đấu đa năng	0,94	0,94							0,94											Quế Trung	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của HĐND huyện Nông Sơn về kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện	Tờ bản đồ 14		NQ73_2021				chuyển tiếp 2020			
27	Sân vận động huyện (bổ sung)	0,16	0,16			0,01				0,06				0,02						0,07	Quế Trung	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của HĐND huyện Nông Sơn về kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện	Tờ bản đồ 13		NQ73_2021	NQ37_BS2020			chuyển tiếp 2020			
DVH	Đất cơ sở văn hóa	0,06	0,06				0,06																											
28	Nhà đón tiếp Đại Bình	0,06	0,06				0,06														Quế Trung	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của HĐND huyện Nông Sơn về kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ 5		NQ73_2021				chuyển tiếp 2020			
DCH	Đất chợ	0,10	0,10				0,10																											
29	Chợ trung tâm xã Phước Ninh	0,10	0,10				0,10														Phước Ninh	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện Nông Sơn thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	UBND xã Phước Ninh	Thửa 399, Tờ bản đồ số 10						ĐK mới			

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm														Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú										
				Sử dụng vào loại đất																															
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS									DCS									
ONT	Đất ở tại nông thôn	4,51	0,20	4,31		1,43	0,40	0,74		1,58	0,01	0,07				0,07	0,01																		
30	Khu dân cư số 1 (bổ sung)	0,20	0,10	0,10																Quế Trung	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 8/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Nam v/v phê duyệt dự án đầu tư công trình: Khu dân cư số 1	Ngân sách nhà nước	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 15	NQ73_2021					chuyển tiếp 2019, 2020					
31	Khu dân cư đường tránh lũ Trung Hạ	1,20		1,20		0,10														Quế Trung	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện Nông Sơn thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2020	Vốn ngân sách huyện	Ban QL các DA đầu tư - PTQĐ huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 16	NQ73_2021	NQ73_2021			ĐK mới						
32	Khu tái định cư số 2	2,21	0,10	2,11		0,83		0,64												Quế Trung	Công văn số 3169/UBND-KTN ngày 5/6/2019 của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Nông Sơn, Phước Sơn; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Nông Sơn về thống nhất chủ trương đầu tư dự án cấp thiết năm 2019; Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt báo cáo KT-KT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Khu tái định cư số 2	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 8	NQ73_2021	NQ37_2020			chuyển tiếp 2019, 2020						
33	Khu dân cư xã Sơn Viên	0,90		0,90		0,50	0,40													Sơn Viên	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới của xã Sơn Viên (giai đoạn 2015-2020)	Vốn nông thôn mới	UBND xã Sơn Viên	Tờ bản đồ số 5 và số 14	NQ73_2021	NQ40_2019			chuyển tiếp 2019, 2020						
DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	0,12		0,12				0,12																											
34	Tiểu hoa viên trước trụ sở Huyện ủy	0,12		0,12				0,12												Quế Trung	Công văn số 172/UBND-KT ngày 24/3/2020 của UBND huyện	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 14	NQ73_2021					chuyển tiếp 2020					
TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	1,04		1,04				0,84		0,13																									
35	Trụ sở UBND xã Quế Ninh (Giai đoạn 2)	1,04		1,04				0,84		0,13										Ninh Phước	Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình	Ngân sách huyện	UBND xã Quế Ninh	Tờ bản đồ số 7	NQ73_2021					chuyển tiếp 2019, 2020					
B.1.2	Dự án ngoài ngân sách Nhà nước	5,80		5,80						5,80																									
SKS	Đất khai thác khoáng sản	5,80		5,80						5,80																									
36	Khai trường khai thác than	2,70		2,70																Phước Ninh	Giấy chứng nhận đầu tư số 10/CN-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 2	NQ73_2021					chuyển tiếp 2019, 2020					
37	Khai trường khai thác than	3,10		3,10																Quế Trung	Giấy chứng nhận đầu tư số 10/CN-UBND ngày 31/5/2012 của UBND tỉnh Quảng Nam cấp	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 1	NQ73_2021					chuyển tiếp 2019, 2020					
B.2	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn bằng quyền sử dụng đất	24,48	0,25	24,23	0,02	0,16	0,98	1,78		21,04																									
NKH	Đất nông nghiệp khác	13,00		13,00						13,00																									

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm														Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú					
				Sử dụng vào loại đất																										
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS									DCS				
38	Trang trại nuôi bò thịt, bò giống cao sản kết hợp bò vỗ béo	13,00	13,00								13,00								Quế Lộc	Quyết định số 557/QĐ-UBND ngày 03/3/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam V/v phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Công ty TNHH MTV xây dựng Tấn An	Công ty TNHH MTV xây dựng Tấn An	Thửa đất số 413, tờ bản đồ số 01				ĐK mới; Đã có GCN QSD đất			
SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	9,00	9,00					1,00			8,00																			
39	Bãi thải đất đá	1,90	1,90								1,90								Phước Ninh	Quyết định số 2308/QĐ-UBND-BTNMT ngày 08/12/2010 của Bộ TNMT	Vốn chủ sở hữu và vay thương mại	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 2				chuyển tiếp 2019, 2020			
40	Trụ sở làm việc của Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	1,00	1,00					1,00											Quế Lâm	Quyết định số 3627/QĐ-UBND ngày 27/10/2009 của UBND tỉnh Quảng Nam V/v Thu hồi đất cho công ty cao su Quảng Nam thuê đất để trồng cây cao su tại xã Quế Lâm, huyện Nông Sơn	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Nam	Tờ bản đồ số 3				chuyển tiếp 2019, 2020			
41	Bãi thải đất đá	6,10	6,10								6,10								Quế Trung	Quyết định số 2308/QĐ-UBND-BTNMT ngày 08/12/2010 của Bộ TNMT	Vốn chủ sở hữu và vay thương mại	Công ty cổ phần Than - Điện Nông Sơn -TKV	Tờ bản đồ số 1				chuyển tiếp 2019, 2020			
DYT	Đất cơ sở y tế	0,14	0,14																											
42	Trạm y tế xã Quế Trung	0,14	0,14																Quế Trung	Quyết định số 1726/QĐ-UBND ngày 28/7/2016 của UBND huyện Nông Sơn Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	UBND huyện Nông Sơn	UBND huyện Nông Sơn					ĐK mới; Đã thu hồi đất và xây dựng, đang lập thủ tục đề nghị giao đất			
ONT	Đất ở nông thôn	2,34	0,11	2,23	0,02	0,16	0,98	0,78			0,04							0,23	0,02											
43	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn (Các thửa 202, 226, 286, 98 Tờ bản đồ số 4; thửa 141 Tờ bản đồ số 5; các thửa 84, 63 Tờ bản đồ số 3; thửa 437 Tờ bản đồ số 10; thửa 104, 612 Tờ bản đồ số 6; thửa đất số 692, 693 Tờ bản đồ số 11; thửa đất số 355 Tờ bản đồ số 7)	0,57	0,57			0,01	0,22	0,30			0,04								Ninh Phước	Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn v/v phê duyệt đồ án điều chỉnh NTM kết hợp rà soát QH sắp xếp, bố trí dân cư gắn với XD NTM xã Quế Phước (nay là Ninh Phước)	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân				NQ73_2021	ĐK mới			
44	Chuyển mục đích sử dụng đất tại các thửa đất số: 199, 195 Tờ bản đồ số 9; các thửa: 639, 591, 668 Tờ bản đồ số 13; các thửa: 332, 143 Tờ bản đồ số 5; các thửa số: 62, 63 Tờ bản đồ số 3	0,30	0,30				0,30												Phước Ninh	Quyết định số 2625/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn v/v phê duyệt đồ án điều chỉnh NTM kết hợp rà soát QH sắp xếp, bố trí dân cư gắn với XD NTM xã Ninh Phước	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân					ĐK mới			
45	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân cư (thửa 435, Tờ bản đồ số 10 khu dân cư Mù U; thửa 95 và 134, Tờ bản đồ số 4, khu tái định cư Xuân Hòa)	0,07	0,07				0,02										0,05		Phước Ninh	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân					chuyển tiếp 2020			
46	Chuyển mục đích sử dụng đất tại thửa đất số 312a, 219b Tờ bản đồ số 4;	0,10	0,10					0,10											Quế Lâm	Quyết định số 2626/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn v/v phê duyệt đồ án điều chỉnh NTM kết hợp rà soát QH sắp xếp, bố trí dân cư gắn với XD NTM xã Quế Lâm	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân					ĐK mới			
47	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn (Thửa 188 Tờ bản đồ số 11; thửa 316 Tờ bản đồ số 10; thửa 1148 Tờ bản đồ số 6; thửa đất số 349, Tờ bản đồ số 19)	0,11	0,11	0,02			0,09												Quế Lộc	Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn v/v phê duyệt đồ án điều chỉnh NTM kết hợp rà soát QH sắp xếp, bố trí dân cư gắn với XD NTM xã Quế Lộc	Hộ gia đình	Hộ gia đình, cá nhân				NQ73_2021	ĐK mới			

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm														Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú						
				Sử dụng vào loại đất																											
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS									DCS					
48	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân cư tại (thửa đất số: 632, Tờ bản đồ số 08; thửa 816, 806, Tờ bản đồ số 10; thửa 187, 161 Tờ bản đồ số 17; thửa 658, Tờ bản đồ số 12	0,15		0,15			0,04	0,05									0,04	0,02	Quế Trung	Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị Trung Phước, huyện Nông Sơn, giai đoạn 2020 và 2030	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân						ĐK mới			
49	Chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn (thửa đất số 686,892, 540, 541 Tờ bản đồ số 13; các thửa 163, 163 Tờ bản đồ số 5; thửa 387, Tờ bản đồ số 11; Thửa 675, Tờ bản đồ số 14; thửa 749 Tờ bản đồ số 16)	0,48		0,48			0,20	0,28											Quế Trung	Quyết định số 4148/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị Trung Phước, huyện Nông Sơn, giai đoạn 2020 và 2030	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân						ĐK mới			
50	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân cư (thửa 519, Tờ bản đồ số 01, tại thôn Trung An; thửa 53, Tờ bản đồ số 15, tại thôn Trung Hạ; thửa 724, 643 Tờ bản đồ số 12, thửa 1061 Tờ bản đồ số 14 tại thôn Phước Viên)	0,16	0,02	0,14			0,06										0,08		Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân						chuyển tiếp 2020			
51	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại khu Dương Cây Tàng (sát nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phước Viên)	0,04		0,04													0,04		Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ số 14					chuyển tiếp 2020			
52	Giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân tại khu dân cư sát Trung tâm Y tế huyện	0,09	0,09																Quế Trung	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân	Tờ bản đồ số 13					chuyển tiếp 2020			
53	Giao đất ở xen kẽ trong khu dân cư (thửa 180, Tờ bản đồ số 06 thôn Phước Bình)	0,02		0,02													0,02		Sơn Viên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân						chuyển tiếp 2020			
54	Chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư (các thửa 312, 313, 381 277 Tờ bản đồ số 23; các thửa 213, 214 Tờ bản đồ số 25; thửa 141 Tờ bản đồ số 3; Thửa 987 tờ bản đồ 05)	0,25		0,25		0,15	0,05	0,05											Sơn Viên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) của huyện Nông Sơn; Quy hoạch NTM của xã	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân			NQ37_2020			chuyển tiếp 2020			
B.3	Danh mục dự án chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng đã được HĐND tỉnh thông qua các năm 2019, 2020 và 2021 (không tính vào tổng diện tích danh mục kế hoạch 2021)	49,26	0,10	49,16	0,07	9,91	3,54	5,06	0,33	27,27	0,01	0,08		1,19		1,42	0,21	0,07													
*	Nghị quyết 40/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2018 Về danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019	18,01		18,01	0,05	2,49	2,66	2,40	0,33	8,79				0,64		0,55	0,10														
1	Cụm Công nghiệp Nông Sơn	6,25		6,25		1,40	1,50	1,00		1,75				0,10		0,50			Quế Trung	Quyết định số 3730/QĐ-UBND	Ngân sách tỉnh	UBND huyện	Tờ bản đồ số	NQ73_2021	NQ40_2019			chuyển tiếp			

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm														Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú			
				Sử dụng vào loại đất																								
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS									DCS		
																			ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt chủ trương đầu tư dự án		Nông Sơn	15			2019, 2020			
2	Đường nội thị Trung tâm huyện (bổ sung)	6,80		6,80		0,50	0,60	1,00		4,20								0,50		Quế Trung	Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 01/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng công trình Đường nội thị Trung tâm huyện Nông Sơn	Ngân sách tỉnh	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 14, 16	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
3	Nâng cấp đường từ ĐT611 đến trường Mẫu giáo Hồ Môn	2,00		2,00	0,05		0,10	0,40		1,30								0,05	0,10	Quế Trung	Quyết định số 1445/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 của UBND huyện Nông Sơn giao nhiệm vụ chủ đầu tư thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2019	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 10, 12	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
4	Đường dây 500KV Quảng Trạch – Đốc Sỏi và Trạm lập quang, đoạn đi qua địa bàn tỉnh Quảng Nam	2,06		2,06		0,09	0,06		0,33	1,54								0,04		Phước Ninh, Ninh Phước và Quế Lâm	Nghị Quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tổng công ty truyền tải điện quốc gia	Tờ bản đồ số 17, 18	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
5	Khu dân cư xã Sơn Viên	0,90		0,90		0,50	0,40													Sơn Viên	Quyết định số 2246/QĐ-UBND ngày 18/9/2015 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt Đề án xây dựng Nông thôn mới của xã Sơn Viên (giai đoạn 2015-2020)	Vốn nông thôn mới	UBND xã Sơn Viên	Tờ bản đồ số 5 và số 14	NQ73_2021	NQ40_2019	chuyển tiếp 2019, 2020	
*	Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2019 Về danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020	5,46	0,10	5,36		1,68	0,05	0,79		2,58	0,01	0,07						0,07	0,11									
6	Đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	2,00		2,00		0,50				1,40									0,10	Phước Ninh	Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 30/5/2019 của UBND huyện Nông Sơn về phê duyệt báo cáo KT-KT công trình đường nối Quốc lộ 14H đến đường Trường Sơn Đông	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_2020	chuyển tiếp 2020	
7	Đường giao thông vào Hồ Cái thôn Trung Hạ	1,00		1,00		0,20		0,10		0,70										Quế Trung	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/9/2019 của HĐND huyện Nông Sơn	Ngân sách huyện	Ban QL dự án đầu tư xây dựng - Phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_2020	chuyển tiếp 2020	
8	Khu tái định cư số 2	2,21	0,10	2,11		0,83		0,64		0,48	0,01	0,07						0,07	0,01	Quế Trung	Công văn số 3169/UBND-KTN ngày 5/6/2019 của HĐND tỉnh về bổ sung danh mục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn Nông Sơn, Phước Sơn; Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân huyện Nông Sơn về thống nhất chủ trương đầu tư dự án cấp thiết năm 2019; Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của UBND huyện Nông Sơn phê duyệt báo cáo KT-KT và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Khu tái định cư số 2	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 8	NQ73_2021	NQ37_2020	chuyển tiếp 2019, 2020	
9	Chuyển mục đích sử dụng đất trong khu dân cư (các thửa 312, 313, 381 277 Tờ bản đồ số 23; các thửa 213, 214 Tờ bản đồ số 25; thửa 141 Tờ bản đồ số 3; Thửa 987 tờ bản đồ 05)	0,25		0,25		0,15	0,05	0,05												Sơn Viên	Quyết định số 2019/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND tỉnh về Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân			NQ37_2020	chuyển tiếp 2020	

TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm														Địa điểm (đến cấp xã)	Văn bản chủ trương đầu tư	Nguồn vốn đầu tư	Chủ đầu tư	Vị trí trên bản đồ địa chính	Nghị quyết thu hồi đất	Nghị quyết chuyển mục đích sử dụng đất	Ghi chú														
				Sử dụng vào loại đất																																			
				Diện tích	LUC	LUK	HNK	CLN	RPH	RSX	NTS	DGT	DGD	ONT	TSC	NTD	BCS									DCS													
*	Nghị quyết 37/NQ-HĐND ngày 17 tháng 9 năm 2020 Về bổ sung danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2020	23,86		23,86		5,61	0,50	1,57		14,76								0,55		0,80			0,07																
10	Đường giao thông từ ĐH7.NS đi Hóc Xoài – Hồ Sến	7,20		7,20		3,60	0,50	0,57		2,20								0,33							Ninh Phước	Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/11/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách tỉnh	UBND huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_BS2020				chuyển tiếp 2020				
11	Đường ô tô đến Trung tâm hành chính xã Ninh Phước	6,50		6,50		0,40		0,50		5,50								0,10							Ninh Phước	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_BS2020				chuyển tiếp 2020				
12	Đường ô tô đến Trung tâm hành chính xã Ninh Phước	10,00		10,00		1,60		0,50		7,00								0,10		0,80					Quế Trung	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 17/12/2019 của HĐND tỉnh Quảng Nam	Ngân sách huyện	UBND huyện Nông Sơn		NQ73_2021	NQ37_BS2020				chuyển tiếp 2020				
13	Sân vận động huyện (bổ sung)	0,16		0,16		0,01				0,06								0,02				0,07			Quế Trung	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 25/12/2019 của HĐND huyện Nông Sơn về kế hoạch đầu tư công năm 2020	Ngân sách huyện	Ban Quản lý DA ĐTXD - PTQĐ huyện	Tờ bản đồ 13	NQ73_2021	NQ37_BS2020				chuyển tiếp 2020				
*	Nghị quyết 73/NQ-HĐND ngày 8 tháng 12 năm 2020 Về danh mục dự án thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2021	1,93		1,93	0,02	0,13	0,33	0,30		1,14																													
14	Dự án điện cấp nông thôn từ lưới điện quốc gia	0,05		0,05		0,02	0,02											0,01							Sơn Viên	Quyết định số 1256/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2013-2020	Ngân sách TW và vốn ODA 85%, vốn địa phương 15%	Sở Công thương Quảng Nam		NQ73_2021	NQ73_2021				ĐK mới				
15	Khu dân cư đường tránh lũ Trung Hạ	1,20		1,20		0,10				1,10															Quế Trung	Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND huyện Nông Sơn thống nhất kế hoạch đầu tư công năm 2020	Vốn ngân sách huyện	Ban QL các DA đầu tư - PTQĐ huyện Nông Sơn	Tờ bản đồ số 16	NQ73_2021	NQ73_2021				ĐK mới				
16	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn (Các thửa 202, 226, 286, 98 Tờ bản đồ số 4; thửa 141 Tờ bản đồ số 5; các thửa 84, 63 Tờ bản đồ số 3; thửa 437 Tờ bản đồ số 10; thửa 104, 612 Tờ bản đồ số 6; thửa đất số 692, 693 Tờ bản đồ số 11; thửa đất số 355 Tờ bản đồ số 7)	0,57		0,57		0,01	0,22	0,30		0,04															Ninh Phước	Quyết định số 2620/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn v.v phê duyệt đồ án điều chỉnh NTM kết hợp rà soát QH sắp xếp, bố trí dân cư gắn với XD NTM xã Quế Phước (nay là Ninh Phước)	Hộ gia đình, cá nhân	Hộ gia đình, cá nhân			NQ73_2021				ĐK mới				
17	Chuyển mục đích sang đất ở tại nông thôn (Thửa 188 Tờ bản đồ số 11; thửa 316 Tờ bản đồ số 10; thửa 1148 Tờ bản đồ số 6; thửa đất số 349, Tờ bản đồ số 19)	0,11		0,11	0,02		0,09																		Quế Lộc	Quyết định số 2624/QĐ-UBND ngày 19/12/2017 của UBND huyện Nông Sơn v.v phê duyệt đồ án điều chỉnh NTM kết hợp rà soát QH sắp xếp, bố trí dân cư gắn với XD NTM xã Quế Lộc	Hộ gia đình	Hộ gia đình, cá nhân			NQ73_2021				ĐK mới				

CHU CHUYỂN ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 HUYỆN NÔNG SƠN

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích hiện trạng năm 2020	Chu chuyển đất đai trong năm 2021																																Cộng giảm	Diện tích cuối năm 2021
				NNP	LUA	LUC	HNK	CLN	RPH	RDD	RSX	NTS	NKH	PNN	CQP	CAN	SKN	TMD	SKC	SKS	DHT	DRA	ONT	TSC	DTS	TON	NTD	SKX	DSH	DKV	TIN	SON	MNC	CSD			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		47.163,64																															73,63	47.163,64		
1	Đất nông nghiệp	NNP	44.162,25	44.076,75									13,00	72,50	4,20	5,65		9,00	5,80	40,62		6,14	0,97										72,50	44.089,75			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.314,68		1.304,70									9,98				1,40			6,97		1,61										9,98	1.304,70			
	<i>Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	747,25			747,18								0,07							0,05		0,02										0,07	747,18			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	880,53				875,17							5,36				1,50			2,48		1,38										5,36	875,17			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.482,38					2.472,70						9,68	0,20		1,00		1,00		5,00		1,52	0,84							0,12		9,68	2.472,70			
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	9.270,16						9.269,83												0,33												0,33	9.269,83			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	18.974,45							18.974,45																								18.974,45			
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	11.230,04	13,00									11.169,90	13,00	47,14	4,00	1,75		8,00	5,80	25,84		1,62	0,13								60,14	11.169,90				
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	9,95										9,94		0,01								0,01										0,01	9,94			
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,06																															13,06			
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2.700,71											2.696,33		0,60				3,57		0,14	0,07										2.774,34				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	162,64												162,64																			167,44			
2.2	Đất an ninh	CAN	1,45													1,45																		1,45			
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN																																6,25			
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	5,50																															5,50			
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	11,37																		11,37													20,37			
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	113,09																															118,89			
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.054,48											0,25								1.054,48		0,07									0,25	1.098,69			
2.8	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	1,07																				1,07											1,07			
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	324,57											2,34			0,10				2,19		322,23	0,05								2,34	328,77				
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,67											0,15							0,15			8,52								0,15	9,56				
2.11	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	1,61																						1,61									1,61			
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	1,34																							1,34								1,34			
2.13	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	110,30											1,64			0,50				1,05		0,07	0,02			108,66						1,64	108,66			
2.14	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,10																									0,10						0,10			
2.15	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,84																										3,84					3,84			
2.16	Đất khu vui chơi, giải trí cộng đồng	DKV	1,35																											1,35				1,47			
2.17	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	3,05																												3,05			3,05			
2.18	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	758,63																												758,63			758,63			
2.19	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	137,65																													137,65		137,65			
3	ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	300,68											1,13	0,60						0,27		0,26									299,55	1,13	299,55			
	Cộng tăng		73,63										13,00	73,63	4,80		6,25		9,00	5,80	44,46		6,54	1,04							0,12						
	Diện tích cuối năm 2021			44.089,75	1.304,70	747,18	875,17	2.472,70	9.269,83	18.974,45	11.169,90	9,94	13,06	2.774,34	167,44	1,45	6,25	5,50	20,37	118,89	1.098,69	1,07	328,77	9,56	1,61	1,34	108,66	0,10	3,84	1,47	3,05	758,63	137,65	299,55			